TAND HUYỆN TIÊN LỮ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/ 10/ 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Hiển và bà Ngô Thị Tuyết

***-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thơm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Lý Thị T, sinh năm 1993 "*có mặt*"

HKTT: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: xóm N, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

***Bị đơn:** Anh Ngô Văn B, sinh năm 1989

HKTT: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 5, Trại giam P 4, Cục C10, bộ Công An.

Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Ngô Thị Mai L, sinh ngày 01/11/2011 "vắng mặt"

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Mai L là anh B, chị T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của các đương sự thì nội dung vụ án như sau:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lý Thị T trình bày: Chị và anh Ngô Văn B có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 21/02/2011. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng

gia đình anh B tại xã C. Vợ chồng hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống sinh hoạt nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2014 để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại. Thời gian anh chị không chung sống cùng nhau, chị vẫn qua lại gia đình chồng nhưng anh B lại bỏ nhà đi đâu gia đình không ai biết. Từ năm 2015, anh chị sống ly thân. Sau nhiều năm tìm kiếm không có thông tìn gì từ anh B, gần đây chị được biết anh B đang chấp hành án tại Phân trại số 5, Trại giam P4, Cục C10, bộ Công An. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, tháo gỡ. Bản thân chị không còn tình cảm với anh B nên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Anh Ngô Văn B thống nhất với lời khai của chị T về thời điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh B xác định cũng không còn tình cảm với chị T, cuộc sống vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai nên nay trước yêu cầu ly hôn của chị T anh nhất trí.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ngô Thị Mai L, sinh ngày 01/11/2011. Hiện nay cháu L đang ở cùng ông bà nội là Ngô Văn H và Bùi Thị H tại C. Trong quá trình sống ly thân với anh B và tại thời điểm hiện tại chị vẫn thường xuyên về thăm con. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh B có nguyện vọng để cháu L tiếp tục chung sống cùng với ông bà nội bởi từ nhỏ đến nay cháu vẫn ở cùng ông bà. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị T có quyền thăm nom con chung không ai cản trở. Cháu L có nguyện vọng ở với ông bà nội và bố, nếu mẹ nhận nuôi thì cháu cũng nhất trí.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người làm chứng ông Ngô Văn H (bố đẻ của anh Ngô Văn B), bà Vi Thị N (mẹ đẻ chị Lý Thị T) xác định hôn nhân giữa chị T và anh B có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống. Anh chị có một con chung là cháu Ngô Thị Mai L. Quan điểm của ông H, bà N trước việc ly hôn giữa chị T và anh B là do anh chị ấy tự quyết định. Riêng về phần con chung của anh chị, ông H có ý kiến đề nghị Toà án giao cháu L cho anh B và gia đình ông nuôi dưỡng, chăm sóc vì cháu từ nhỏ đều do ông bà chăm sóc và nuôi cháu ăn học là chính. Chị T chỉ thỉnh thoảng mới về thăm con.

Xác minh tại UBND xã C được biết anh B và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và chia

sẻ công việc cùng nhau. Hiện chị T và anh B đã không còn chung sống với nhau từ lâu. Anh chị có một con chung là cháu Ngô Thị Mai L, sinh ngày 01/11/2011. Hiện nay cháu L đang ở cùng ông bà nội tại địa phương.

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B và xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về tình cảm vợ chồng: Chị T và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị nhất trí ly hôn. Về con chung: cả hai đều xin được nuôi con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên hiện nay anh B đang chấp hành án nên không có đủ khả năng để đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho cháu L nên đề nghị HĐXX giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

1.Về tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh B có nơi cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

2. Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Ngô Văn B có thời gian tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 21/02/2011. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai và không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng. Điều này phù hợp với lời khai của người thân trong gia đình cũng như cung cấp của chính quyền địa phương. HĐXX xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù các bên đương sự có lời khai nhất trí thuận tình ly hôn nhưng do anh B vắng mặt tại phiên toà nên HĐXX xử cho chị T được ly hôn anh B.

2.2.Về con chung: Anh chị có một con chung tên là Ngô Thị Mai L, sinh ngày 01/11/2011. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu L, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh B có nguyện vọng để cháu Mai L tiếp tục được ở cùng với ông bà nội. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh chị thấy. Mặc dù cháu L ở cùng ông bà nội từ nhỏ và thường xuyên do ông bà chăm sóc. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho cháu về mọi mặt trong khi anh B thì đang chấp hành án không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L nên HĐXX giao cháu L cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

2.3.Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4.Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS:

2. Xử:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị T được ly hôn anh Ngô Văn B.

2.2.Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Mai L, sinh ngày 01/11/2011 cho chị Lý Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng từ sau khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thành niên và tự lập được. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh B được quyền thăm nom cháu L, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004369 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-UBND xã C
(GCNKH số 32/2011);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

‘